

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thu Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hoài T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số F T, phường H, quận C, TP .. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số F T, phường H, quận C, TP .. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Lê Thị Hoài T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoài T và ông Nguyễn Công N xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Tp .., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng tại F T, phường H, quận C, Tp .. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ nhiều năm nay bà T bị bệnh nặng, ông N không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu, cờ bạc, số đề, về nhà đe dọa nói đánh giết con. Quá trình chung sống vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn lần trước và được Tòa án hòa giải về chung

sống với nhau nhưng ông N không thay đổi, tính nào tật nấy, cuộc sống không thể cải thiện. Nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân, phần ai nấy sống từ năm 2023 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công Ngô .

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông N có 02 con chung tên là Nguyễn Nam H, sinh ngày 13/4/2006 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày: 08/6/2008. Ly hôn, bà T yêu cầu giao con chung Nguyễn Hoàng K cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Nguyễn Nam H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn ông Nguyễn Công N:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài T.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn Nguyễn Công N chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hoài T đối với ông Nguyễn Công Ngô

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao con chung tên Nguyễn Hoàng K cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Nguyễn Nam H đã đủ 18 tuổi bà T không yêu cầu nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Các đương sự chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài T khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Công N để yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”; bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Bị đơn Ông Nguyễn Công N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công Ngô .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoài T và ông Nguyễn Công N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng vào ngày 03/3/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại phường H, quận C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ nhiều năm nay bà T bị bệnh thận nặng, ông N không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên say xỉn, về đánh đập con cái, chửi bới xúc phạm bà T. Quá trình chung sống vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn lần trước và được Tòa án hòa giải về chung sống với nhau nhưng ông N không thay đổi, cuộc sống không thể cải thiện. Nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân, phân ai nấy sống từ năm 2023 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công Ngô .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Nguyễn Công N có ý kiến trình bày nhưng ông N đều vắng mặt, không tham gia tất cả các phiên hòa giải. Tại phiên tòa ngày 24/12/2024 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Công N vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây

dựng hạnh phúc gia đình; không có phản hồi và từ bỏ việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi ông Nguyễn Công N đang sinh sống, thuộc phường H, quận C xác định được ông Nguyễn Công N và bà Lê Thị Hoài T là vợ chồng sinh sống tại F T, tổ B, phường H, quận C. Tình trạng hôn nhân gia đình của ông N và bà T thường xuyên cãi vã nhau, bà T đang bị bệnh thận nhiều năm nhưng ông Ngô T1 sự quan tâm chăm sóc gia đình, thường nhậu nhẹt, say xỉn, quan hệ vợ chồng mâu thuẫn.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hoài T với ông Nguyễn Công N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông N có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Nam H, sinh ngày 13/4/2006 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày: 08/6/2008. Khi ly hôn, bà T có yêu cầu giao con chung Nguyễn Hoàng K cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con Nguyễn Nam H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 08/6/2008 cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì thấy: Việc giao con chung cho ai là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, để con có đủ điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Bà T là mẹ là người thường xuyên quán xuyến việc chăm lo, nuôi dạy các con, hiện cháu Nguyễn Hoàng K đang sống cùng với mẹ; ông N cũng không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu nuôi con của bà T và xét thấy yêu cầu của bà T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng K trong bản tự khai ghi nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Do vậy, HĐXX thấy cần giao cháu Nguyễn Hoàng K cho bà Nguyễn Thị Hoài T2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với con Nguyễn Nam H đã đủ 18 tuổi, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà T2 yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hoàng K mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, bà T2 hiện đang bị bệnh hiểm nghèo, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo các nội dung yêu cầu của bà T2 đến bị đơn Nguyễn Công N nhưng ông N không có phản hồi, cũng không có ý kiến phản đối nào về yêu cầu của bà T2. Mặt khác, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T2 là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đảm bảo nhu cầu sinh sống học tập hiện nay của con chung; do đó, HĐXX chấp nhận, buộc ông Nguyễn Công N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hoàng K mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị Hoài T phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001904 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Lê Thị Hoài T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Công N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài T đối với ông Nguyễn Công N về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hoài T được ly hôn ông Nguyễn Công N (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, quyền số 01/2006, đăng ký ngày 03/3/2006 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Nam H, sinh ngày 13/4/2006 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày: 08/6/2008. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày: 08/6/2008 cho bà Lê Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Công N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Nguyễn Hoàng K đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thanh toán, nếu người phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Hoài T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số

tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001904 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Lê Thị Hoài T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Công N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/01/2025.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bàng**